

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 4- 2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Tuất Mạnh

2. Bà Trần Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tiến Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2022/TLST- HNGĐ ngày 17/01/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1992

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: Thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai

Có mặt.

Bị đơn: Anh Vàng Văn T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 11/01/2022, bản tự khai ngày 17/01/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án thì chị Lê Thị T và anh Vàng Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/10/2013 tại UBND xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai, giấy chứng nhận kết hôn số 111/2013 quyển số 01/2013. Sau kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình, anh Vàng Văn T

không quan tâm đến vợ con, ngoài ra chị còn nghi ngờ anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên đã tham gia khuyên bảo hoà giải nhiều lần nhưng vợ chồng chị vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên ngày 07/01/2022 chị nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh Vàng Văn T, khi biết chị nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, anh Vàng Văn T về gây sự với chị, nên chị về nhà mẹ đẻ ở thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai ở và vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay, trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm thăm hỏi nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vàng Văn T.

Đối với bị đơn anh Vàng Văn T tại bản tự khai ngày 18/01/2022 anh xác nhận đúng là anh và chị Lê Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo anh nguyên nhân là do anh hay đi làm xa nhà, không có nhiều thời gian quan tâm chia sẻ với chị Lê Thị T dẫn đến nhiều khi vợ chồng không hiểu nhau, hay cãi nhau, cũng có lần cãi nhau do nóng tính anh có tát chị Lê Thị T. Anh muốn đi làm ăn thêm một thời gian nữa thì về nhà làm, nhưng chị Lê Thị T không đồng ý nên vợ chồng cãi nhau, chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 01/2022. Anh nhiều lần nói chuyện với chị, đến đón chị về, nhưng chị nhất quyết không về. Nay chị khởi kiện xin ly hôn anh, do các con còn nhỏ anh muốn các con có đủ cả bố và mẹ nên anh không nhất trí ly hôn, nhưng nếu chị Lê Thị T không thay đổi vẫn quyết định ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Vàng Văn T đều xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 03 người con chung cháu Vàng Thị Thảo V, sinh ngày 22/10/2003, cháu Vàng Thị Quỳnh A, sinh ngày 03/01/2015 và cháu Vàng Anh T, sinh ngày 06/8/2016, cả 03 cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường, hiện cháu Vàng Thị Thảo V và cháu Vàng Thị Quỳnh A đang ở cùng chị Lê Thị T, còn cháu Vàng Anh T đang ở cùng anh Vàng Văn T. Khi ly hôn chị Lê Thị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thảo V và cháu Quỳnh A, để anh Vàng Văn T nuôi dưỡng cháu Vàng Anh T. Anh Vàng Văn T có ý kiến nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh để chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thảo V và cháu Quỳnh A, anh Vàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vàng Anh T. Anh chị đều không có yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Lê Thị T và anh Vàng Văn T đều xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản về việc lấy ý kiến của con chưa thành niên ngày 20/01/2022 cháu Vàng Thị Thảo V và cháu Vàng Thị Quỳnh A đều có nguyện vọng được mẹ đẻ là chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ chứng minh về việc có đăng ký kết hôn và có con chung, chứng cứ chứng minh về mâu thuẫn gia đình, thu nhập cá nhân. Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hoà giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Vì bị đơn anh Vàng Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc anh Vàng Văn T vắng mặt để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai nhận định: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo trình tự pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị T.

Xử cho chị Lê Thị T ly hôn anh Vàng Văn T;

Xử giao cháu Vàng Thị Thảo V, sinh ngày 20/10/2013 và cháu Vàng Thị Quỳnh A, sinh ngày 03/01/2015 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Xử giao cháu Vàng Anh T, sinh ngày 06/8/2016 cho anh Vàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đề nghị tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật Tố tụng: Chị Lê Thị T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Vàng Văn T (địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Vàng Văn T là hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống,

thường xuyên cãi nhau, do không khắc phục được mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2022, chị Lê Thị T đã cung cấp chứng cứ chứng minh mâu thuẫn gia đình theo lời trình bày của chị là đúng sự thật, tại phiên toà chị Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Vàng Văn T. Đối với anh Vàng Văn T vắng mặt tại phiên toà, tại bản tự khai ngày 18/01/2022 anh cũng thừa nhận trong thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn chị Lê Thị T đã về nhà mẹ đẻ ở thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai ở từ tháng 1/2022. Nay chị Lê Thị T khởi kiện xin ly hôn anh, anh không nhất trí vì muốn các con có cả bố và mẹ, nhưng nếu chị Lê Thị T vẫn quyết định ly hôn thì anh cũng nhất trí, tuy nhiên anh vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân của chị Lê Thị T và anh Vàng Văn T đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị T ly hôn anh Vàng Văn T.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 03 người con chung cháu Vàng Thị Thảo V, sinh ngày 22/10/2003, cháu Vàng Thị Quỳnh A, sinh ngày 03/01/2015 và cháu Vàng Anh T, sinh ngày 06/8/2016, cả 03 cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện cháu Vàng Thị Thảo V và cháu Vàng Thị Quỳnh A đang ở cùng chị Lê Thị T còn cháu Vàng Anh T đang ở cùng anh Vàng Văn T. Khi ly hôn chị Lê Thị T và anh Vàng Văn T đều có nguyện vọng để chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thảo V và cháu Quỳnh A, để anh Vàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vàng Anh T. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Thảo V và cháu Quỳnh A hiện đang ở cùng chị Lê Thị T, còn cháu Vàng Anh T hiện đang ở cùng anh Vàng Văn T. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị T đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh công việc hiện nay của chị là lao động tự do, mức thu nhập bình quân từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng; Tại bản tự khai anh Vàng Văn T trình bày công việc của anh là lao động tự do thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên Tòa án yêu cầu anh cung cấp chứng cứ chứng minh công việc và thu nhập thì anh không cung cấp, Tòa án đã xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương về công việc và mức thu nhập bình quân của anh Vàng Văn T tại địa phương thì thấy anh Vàng Văn T có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo cuộc sống ổn định của các cháu, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu và nguyện vọng của các cháu. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Vàng Thị Thảo V và cháu Vàng Thị Quỳnh A cho chị Lê Thị T tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Vàng Anh T cho anh Vàng Văn T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị Lê Thị T và anh Vàng Văn T không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Trong thời gian chung sống chị Lê Thị T và anh Vàng Văn T không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Lê Thị T ly hôn anh Vàng Văn T

2. Về con chung: Xử giao cháu Vàng Thị Thảo V, sinh ngày 22/10/2013 cháu Vàng Thị Quỳnh A, sinh ngày 03/01/2015 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Xử giao cháu Vàng Anh T, sinh ngày 06/8/2016 cho anh Vàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Lê Thị T và anh Vàng Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Lê Thị T và anh Vàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0002810 ngày 17/01/2022.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT (02);
- UBND xã X;
- Đương sự (2);
- Chi cục THADS BT;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng